

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **55/2020/HNGĐ-ST**
Ngày 28 tháng 8 năm 2020.
V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Thoa;

2. Bà Phạm Thị Thư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 28/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 116/2020/TLST-HNGĐ ngày 20/3/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/7/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30/7/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1974; nơi đăng ký HKTT: Nhà A1, khu tập thể B, tổ 7B, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; nơi ở: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương (vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Trịnh Thị Y, sinh năm 1975 (vắng mặt tại phiên tòa).

Nơi cư trú: Nhà A1, khu tập thể B, tổ 7B, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Q trình bày:

Ông kết hôn với bà Trịnh Thị Y vào ngày 09/11/2000, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2017 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng không còn hợp nhau, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn bà Trịnh Thị Y.

- Về con chung: Ông bà có một con chung là Nguyễn Quỳnh T, sinh ngày 07/6/2005. Ly hôn, ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Ông bà không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản xác minh ngày 09/6/2020, ông Trịnh Thanh N cung cấp: Ông là bố đẻ của chị Y. Trong quá trình chung sống, anh Q và chị Y đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nên đã ly thân từ năm 2017. Hiện nay, chị Y đang đi làm ăn xa, làm ở đâu thì ông không biết, thỉnh thoảng chị Y mới về rồi lại đi ngay, còn cháu T vẫn đang ở với ông, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường.

Đối với bị đơn là bà Trịnh Thị Y, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tổng đạt, niêm yết giấy báo làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà theo đúng quy định của pháp luật nhưng bà yền vẫn vắng mặt, không có lý do và không có quan điểm thể hiện việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Xử:

1. Ông Nguyễn Văn Q được ly hôn bà Trịnh Thị Y.
2. Về án phí: Ông Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Q thì thấy đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình về “*Ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Văn Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Trịnh Thị Y đã được Toà án triệu tập họp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Văn Q kết hôn với bà Trịnh Thị Y vào ngày 09/11/2000, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, qua xác minh tại địa phương thì thấy hiện tại vợ chồng đã ly thân, không còn chung sống cùng với nhau. Ông Q xác nhận không còn tình cảm vợ chồng với bà Y nữa. Có thể thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để xử cho ông Nguyễn Văn Q được ly hôn bà Trịnh Thị Y.

[3]. Về con chung: Ông Q không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc đương sự phải chịu án phí.

[7]. Về quyền kháng cáo: Áp dụng điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự để tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Văn Q được ly hôn bà Trịnh Thị Y.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai số AA/2018/0001158 ngày 18/3/2020. Xác nhận ông Nguyễn Văn Q đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tp B;
- CCTHADS tp B ;
- UBND phường T, tp B;
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trần Kiên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN -CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Trần Kiên

